

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP NGHIỆP HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG HẠNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2024 (theo QĐ giao biên chế số 1422 ngày 25/4/2024 của UBND huyện)	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có đến 25/4/2024 (Bảng số có mặt tại cột 4 chia ra)												Số lượng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo Vị trí việc làm (đề nghị UBND tỉnh phê duyệt) (Bảng số biên chế giao năm 2024 (theo QĐ giao biên chế số 1422 ngày 25/4/2024) chia ra)												Số lượng người đủ điều kiện dự xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I			Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng CDNN từ hạng II lên hạng I			Số lượng người đủ điều kiện dự xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II			Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II			Số lượng người đủ điều kiện dự xét thăng hạng từ hạng IV lên hạng III			Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III		
			Tổng (Bảng số viên chức hiện có mặt)	Tổng số lãnh đạo quản lý	VTVL Lãnh đạo, quản lý (từ cấp phòng và tương đương trở lên của ĐVSNC)					Số lượng viên chức chuyên môn nghiệp vụ và dùng chung	VTVL viên chức chuyên môn nghiệp vụ và chuyên môn dùng chung					Số lượng biên chế lãnh đạo quản lý được giao 2024	VTVL Lãnh đạo, quản lý (từ cấp phòng và tương đương trở lên của ĐVSNC)			Số lượng biên chế chuyên môn nghiệp vụ và CN dùng chung được giao 2024	VTVL viên chức chuyên môn nghiệp vụ và chuyên môn dùng chung			Tổng	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn dùng chung	Tổng	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn dùng chung	Tổng	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn dùng chung	Tổng	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn dùng chung	Tổng	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn dùng chung						
					Hạng I và TD	Hạng II và TD	Hạng III và TD	Hạng IV và TD	Hạng V và TD		Hạng I và TD	Hạng II và TD	Hạng III và TD	Hạng IV và TD	Hạng V và TD		Hạng I và TD	Hạng II và TD	Hạng III và TD		Hạng I và TD (không quá 10%)	Hạng II và TD (không quá 50%)	Hạng III, hạng IV, hạng V và TD																					
1	2	3	4=5+11	5=6+7+8+9+10	6	7	8	9	10	11=12+13+14+15+16	12	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21=22+23+24	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42			
	Cơ cấu (%)										0%	44%	64%	12%	0%						8,8%	50,0%	44,1%																					
1	Trường Tiểu học...NAM LỢI	25	28	3	0	2	1	0	0	25	0	11	16	3	0	3	0	2	1	34	3	17	15	0	0	0	0	0	0	9	0	9	9	0	9	1	0	1	1	0	1			
1	Giáo viên tiểu học hạng I		0	0						0						0				3	3																							
2	Giáo viên tiểu học hạng II		8	2		2				6		11				2		2		17		17							3		3	3		3										
3	Giáo viên tiểu học hạng III		17	1			1			16			16			1			1	11			11						6		6	6		6										
4	Giáo viên tiểu học hạng IV		1	0						1				1		0				1			1											1			1	1			1			
5	Kế toán viên																																											
6	Kế toán viên trung cấp																																											
7	Thư viện hạng III																																											
8	Thư viện hạng IV																																											
9	Y sĩ hạng IV		2	0						2				2						2			2																					
																																												

Lưu ý: Từ cột (1) đến cột (24) lấy thông tin bên phụ lục I, đơn vị căn cứ cơ cấu chức danh nghề nghiệp đề nghị tỉnh phê duyệt (từ cột 17 đến 24) để rà soát, đăng ký chỉ tiêu xét thăng hạng viên chức năm 2024. Trường hợp số lượng thực tế có vượt tỷ lệ nêu trên thì tạm thời không tổ chức xét thăng hạng lên hạng CDNN đã vượt quá tỷ lệ

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
Lưu Thị Minh Hương